

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 161/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Tiến D - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Phường Đ, phố L, thành phố. T, tỉnh H.

Chị Nguyễn Hoàng L - Sinh năm: 1981

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/11/2007 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh H. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn hạnh phúc, hòa thuận thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống hôn nhân luôn bất đồng quan điểm và không có tiếng nói chung. Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được. Đến nay, anh D và chị L đều xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Anh D và chị L có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng A (giới tính: nam), sinh ngày: 10/7/2008; Nguyễn Minh K (giới tính: nam), sinh ngày: 20/8/2012. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu cho mẹ là Nguyễn Hoàng L trực tiếp nuôi

dưỡng và bố là Nguyễn Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng/tháng). Hai cháu là 2.500.000 đồng/tháng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung tính từ tháng 7 năm 2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L thỏa thuận, chị L là người chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L thống nhất vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Hoàng A (giới tính: nam), sinh ngày: 10/7/2008; Nguyễn Minh K (giới tính: nam), sinh ngày: 20/8/2012. Sau khi ly hôn, giao cả hai cháu Anh và cháu Khôi cho chị Nguyễn Hoàng L trực tiếp nuôi dưỡng và anh Nguyễn Tiến D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu là 1.250.000 đồng/tháng (Một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng/tháng). Hai cháu là 2.500.000đ/tháng (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng/tháng). Thời điểm cấp dưỡng tiền nuôi con chung từ tháng 7 năm 2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Tiến D và chị Nguyễn Hoàng L thống nhất, thỏa thuận chị Nguyễn Hoàng L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ

thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm chị L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành theo biên lai số: AA/2018/0003210 ngày 19/7/2021. Chị Nguyễn Hoàng L đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện T;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Bùi Văn Tuấn